

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2025/DS-PT

Ngày: 26/8/2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán và hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp: “**Hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 977/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị A, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp N, xã N, tỉnh Đồng Tháp)

1.2. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp N, xã N, tỉnh Đồng Tháp)

Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị A, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp N, xã N, tỉnh Đồng Tháp)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phan Thị Thu C, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp M1, xã N2, tỉnh Đồng Tháp)

2.2. Ông Lê Văn Bé D, sinh năm 1981. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N3, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp M2, xã N4, tỉnh Đồng Tháp)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Chí E**, sinh năm 1959. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

(Nay là ấp M1, xã N2, tỉnh Đồng Tháp)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Thị A; Đặng Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Vợ chồng nguyên đơn bà Lê Thị A, ông Đặng Văn B với vợ chồng bị đơn bà Phan Thị Thu C, ông Lê Văn Bé D giữa hai bên có giao kết hợp đồng mua bán (mua bán vịt, thức ăn gia cầm) và hợp đồng vay, theo đó nguyên đơn có bán vịt và thức ăn gia cầm cho vợ chồng bị đơn nhiều lần và cho vay các lần tiền cụ thể như sau: Biên mượn nợ và hợp đồng mua bán ngày 07/12/2017, hai bên thống nhất số tiền chưa thanh toán của hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn là 670.000.000 đồng. D bên thỏa thuận thống nhất, bà C và ông Bé D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cụ thể như sau: Ngày 30/3/2018 trả 300.000.000 đồng; còn lại 370.000.000 đồng sẽ thanh toán chậm nhất vào ngày 30/8/2018 nhưng bị đơn không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Đến ngày 22/9/2018 vợ chồng bị đơn tiếp tục vay của bà A, ông B số tiền là 257.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay và mua bán là 927.500.000 đồng. Ông Bé D, bà C cam kết đến ngày 30/11/2018 sẽ trả nhưng cũng không thực hiện.

Đến ngày 29/4/2023 âm lịch, Bà C và ông Bé D có trả cho nguyên đơn số tiền là 158.100.000 đồng. Đến ngày 29/4/2023 thì bị đơn có ký xác nhận còn nợ của nguyên đơn vừa vay và mua bán là 769.400.000 đồng và đến nay chưa thực hiện trả thêm cho nguyên đơn số tiền nào thêm. Các biên nhận đều do bà A là người viết nhưng bị đơn đều đồng ý và ký tên vào các biên nhận.

Bà Lê Thị A, ông Đặng Văn B khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D phải trả cho nguyên đơn số tiền vay và mua bán là 769.400.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 22/9/2018

đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng tạm tính là 73 tháng với số tiền lãi là 932.358.920 đồng.

Đối với yêu cầu ông Phan Chí E thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ xin rút lại không yêu cầu.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn bà Phan Thị Thu C trình bày:***

Bà xác định không có vay tiền của nguyên đơn, hai bên có hợp đồng mua bán vịt và thức ăn chăn nuôi, có nợ tiền mua bán thức ăn cho vịt của bà A, ông B, đến ngày 22/9/2018 tổng số tiền là 927.500.000 đồng. Các biên nhận nợ ai viết thì bà không biết nhưng chữ ký trong biên nhận là của bà và ông Bé D. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà và chồng bà là Lê Văn Bé D thừa nhận vợ chồng có nợ tiền mua bán thức ăn của nguyên đơn là 769.400.000 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà A, ông B nhưng xin trả dần mỗi năm là 100.000.000 đồng bắt đầu thực hiện việc trả nợ đầu tiên vào ngày 25/10/2025, trả dần cho đến khi hết số nợ nêu trên. Đối với yêu cầu tính lãi thì bị đơn không đồng ý vì không có khả năng trả, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đối với yêu cầu rút đơn khởi kiện người bảo lãnh của nguyên đơn thì bà không có ý kiến.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn Bé D trình bày:***

Ông D đồng ý trả số tiền cho nguyên đơn là 769.400.000 đồng nhưng ông xin trả dần mỗi năm là 100.000.000 đồng bắt đầu thực hiện việc trả nợ đầu tiên vào ngày 25/10/2025 trả dần cho đến khi hết số nợ nêu trên. Đối với yêu cầu tính lãi thì bị đơn không đồng ý vì không có khả năng trả do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tờ tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí E trình bày:***

Ông xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền là 769.400.000 đồng và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay và mua bán là 769.400.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 22/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 73 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền lãi là 466.179.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu ông Phan Chí E thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ xin rút lại yêu cầu này.

Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp) đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 430, 440 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B.

Buộc bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B số tiền nợ tổng cộng là: 921.386.044 đồng. Trong đó có nợ gốc là 769.400.000đ và nợ lãi là 151.986.044 đồng.

Kể từ ngày ông B, bà A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà C, ông D chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B và bà Lê Thị A về việc yêu cầu ông Phan Chí E phải trả số tiền nợ mà bị đơn nợ của nguyên đơn nếu bị đơn không thực hiện được.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 314.192.956 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 07/5/2025, bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án DSST, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B.

- Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án DSST.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 769.400.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên số tiền nợ lãi là 151.986.044 đồng là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Lê Văn Bé D và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Chí E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo của đương sự nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bà Lê Thị A, ông Đặng Văn B kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D phải trả cho bà A, ông B số tiền vay và mua bán là 769.400.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 30/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 70 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền lãi là 447.021.000 đồng, xét thấy:

Xét các bên đương sự đều thừa nhận bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D chưa thực hiện thanh toán cho bà A, ông B số tiền là 769.400.000 đồng. Các biên nhận xác nhận số tiền chưa thanh toán và cam kết trả nợ đều do bà C, ông Bé D ký tên; Ông Bé D, bà C cam kết đến ngày 30/11/2018 sẽ thanh toán cho bà A, ông B nhưng không thực hiện. Căn cứ Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự, xác định các tình tiết trên là đúng sự thật.

Xét thấy bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D cam kết ngày 30/11/2018 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà A, ông B nhưng không thực hiện là đã vi phạm thời hạn thanh toán tiền nợ theo thỏa của hai bên trong giấy mượn nợ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B số tiền 769.400.000 đồng vốn gốc là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Xét giấy mượn nợ và hợp đồng mua bán ngày 07/12/2017, bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D cam kết đến ngày 30/11/2018 phải thực hiện nghĩa vụ trả

tiền cho bà A, ông B. Như vậy, thời điểm bà C, ông D vi phạm nghĩa vụ là ngày 30/11/2018. Xét thấy, đây là nghĩa vụ thanh toán tiền của hợp đồng mua bán và nghĩa vụ trả tiền của bên vay trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 440 và Điều 466 Bộ luật dân sự, kể từ ngày 30/11/2018 bà C và ông D phải có nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xét mức lãi suất bà A, ông B yêu cầu bà C, ông D phải trả là 0.83%/tháng trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, bà C, ông D phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 30/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 70 tháng, số tiền lãi là 447.021.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy cam kết trả nợ ngày 29/4/2023 của bà C, ông D để xác định thời gian vi phạm nghĩa vụ và buộc bà C, ông D phải trả nợ lãi là 151.986.044 đồng là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị A, ông Đặng Văn B là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên bà Lê Thị A, ông Đặng Văn B không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 430, 440 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B.

- Buộc bà Phan Thị Thu C và ông Lê Văn Bé D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B số tiền nợ gốc là 769.400.000 đồng và số tiền lãi là 447.021.000 đồng, tổng cộng là 1.216.421.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B và bà Lê Thị A về việc yêu cầu ông Phan Chí E phải trả số tiền nợ mà bị đơn nợ của nguyên đơn nếu bị đơn không thực hiện được.

Về án phí:

- Ông Lê Văn Bé D và bà Phan Thị Thu C phải liên đới chịu 48.492.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị A và ông Đặng Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.526.500 đồng theo biên lai thu số 0016484 ngày 12/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 5 - ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân